

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 3344/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 09 tháng 09 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 27/02/2023 của Chính phủ, Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 21/02/2023 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trên địa bàn tỉnh Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 27/02/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 21/02/2023 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 314/TTr-SNN ngày 28/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 27/02/2023 của Chính phủ và Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 21/02/2023 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính,
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban đảng thuộc Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Các hội, đoàn thể tỉnh
- Lãnh đạo, CV VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10

vt

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 27/02/2023 của Chính phủ, Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 21/02/2023 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trên địa bàn tỉnh Bình Định

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

Thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 27/02/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 26 của Chính phủ); Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 21/02/2023 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trên địa bàn tỉnh Bình Định (sau đây gọi tắt là Chương trình hành động số 18 của Tỉnh ủy); Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 26 của Chính phủ và Chương trình hành động số 18 của Tỉnh ủy (sau đây gọi tắt là Kế hoạch) với nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

- Quán triệt, triển khai, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các địa phương và nhân dân toàn tỉnh trong triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết 26 của Chính phủ và Chương trình hành động số 18 của Tỉnh ủy.

- Cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết 26 của Chính phủ và Chương trình hành động số 18 của Tỉnh ủy thành các nội dung hoạt động cụ thể; nhiệm vụ, giải pháp ưu tiên tổ chức thực hiện đồng bộ, phù hợp với các nhiệm vụ đã và đang giao cho các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể và các địa phương trong thực hiện các kế hoạch, đề án, dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn của tỉnh.

- Xác định rõ nội dung, nhiệm vụ, trách nhiệm của các sở, ngành, hội, đoàn thể và địa phương trong tổ chức thực hiện.

2. Yêu cầu

- Quán triệt và thực hiện nghiêm túc yêu cầu của Chính phủ nêu tại Nghị

quyết 26 và yêu cầu trọng tâm được khẳng định trong Chương trình hành động số 18 của Tỉnh ủy:

Phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững dựa trên tiềm năng và lợi thế của tỉnh theo hướng sinh thái, thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp, giữa phát triển nông thôn bền vững với quá trình đô thị hoá theo hướng “nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”.

Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, tích hợp đa giá trị theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh, gắn với đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch và phát triển thị trường nông sản cả trong nước và ngoài nước; bảo đảm an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái; cơ cấu lại kinh tế theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn là trọng tâm; chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp dựa trên ứng dụng công nghệ cao và chuyển đổi số. Phát huy lợi thế từng địa phương, tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Phát triển nông nghiệp nông thôn gắn với không gian di sản văn hoá vật thể, phi vật thể, đậm đà bản sắc dân tộc, ưu tiên bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá, giá trị truyền thống, bản sắc văn hoá dân tộc. Xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu, thực chất, hiệu quả và bền vững. Chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm cho sản xuất nông nghiệp và an toàn cho nhân dân.

- Quá trình thực hiện phải thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá theo định kỳ việc thực hiện các nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nông dân và dân cư nông thôn có trình độ, đời sống vật chất và tinh thần được nâng cao. Phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sinh thái, hiện đại bền vững, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và có quy mô sản xuất hàng hóa, sức cạnh tranh cao, góp phần quan trọng trong việc ổn định kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống, vai trò và vị thế của nông dân và cư dân nông thôn; đảm bảo cơ hội phát triển công bằng giữa các vùng, miền của tỉnh. Phát triển nông thôn toàn diện, hiện đại gắn với quá trình đô thị hóa, có cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội đồng bộ và tiệm cận với khu vực đô thị; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; xây dựng nông thôn xanh, sạch, đẹp; an ninh, trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo; tổ chức đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm địa phương của ngành nông nghiệp bình quân hàng năm tăng từ 3,2-3,6%. Tốc độ tăng năng suất lao động nông, lâm, thủy sản đạt bình quân từ 4-5%/năm.

- Tốc độ tăng giá trị xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt bình quân từ 5-6%/năm.

- Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định ở mức 58%; diện tích rừng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững đạt trên 20.000 ha.

- Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông, lâm, thủy sản được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết đạt trên 30%.

- Tốc độ tăng trưởng công nghiệp, dịch vụ nông thôn phấn đấu đạt bình quân 10%/năm.

- Thu nhập của cư dân nông thôn cao hơn 2,5-3 lần so với năm 2020. Tỷ lệ nghèo đa chiều ở nông thôn giảm bình quân 1-1,5%/năm.

- Phấn đấu 80% hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn; duy trì 100% hộ gia đình nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh.

- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống dưới 20%; tỷ lệ lao động nông nghiệp được đào tạo đạt trên 70%.

- Toàn tỉnh có ít nhất 90% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 45% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; trên 65% số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 25% số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 80%.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Nông dân và cư dân nông thôn văn minh, phát triển toàn diện, có thu nhập cao. Nông nghiệp sinh thái, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, có giá trị gia tăng cao, gắn kết chặt chẽ với thị trường trong và ngoài nước, công nghiệp chế biến và bảo quản nông sản hiện đại, phát triển thương hiệu và đẩy mạnh tiêu thụ, xuất khẩu các loại nông sản thế mạnh của tỉnh. Xây dựng nông thôn mới hiện đại, có điều kiện sống tiệm cận với đô thị, môi trường sống xanh, sạch, đẹp, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các địa phương bám sát mục đích, yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết 26 của

Chính phủ, Chương trình hành động số 18 của Tỉnh ủy và Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số 2167/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 (sau đây gọi Quyết định số 2167) để tập trung triển khai, thực hiện có hiệu quả gắn với triển khai đầy đủ, toàn diện, đồng bộ những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

1. Đổi mới công tác truyền thông, thống nhất nhận thức, hành động về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

a) Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các địa phương tổ chức quán triệt và thực hiện tuyên truyền, giáo dục, vận động sâu rộng trong toàn xã hội về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; cụ thể hoá những chủ trương, nhiệm vụ và giải pháp lớn để triển khai các nội dung của Nghị quyết 26 của Chính phủ, Chương trình hành động số 18 của Tỉnh ủy, Quyết định số 2167 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các Chương trình hành động, kế hoạch khác của tỉnh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

b) Xây dựng, tổ chức các chương trình tuyên truyền, học tập, phổ biến thông qua các phương tiện truyền thông, các hội nghị, hội thảo và các hình thức khác để phổ biến, nâng cao nhận thức về các mục tiêu, định hướng, giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết 26 của Chính phủ, Chương trình hành động số 18 của Tỉnh ủy, Quyết định số 2167 của Ủy ban nhân dân tỉnh; các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn cho các cơ quan quản lý, các Hội đoàn thể các cấp, doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân để thống nhất nhận thức, hành động trong xây dựng, phát triển “Nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”; thay đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp; đồng thời thực hiện sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện, biểu dương, khen thưởng, nhân rộng các mô hình có cách làm hay, hiệu quả trong xây dựng và phát triển nông nghiệp, nông thôn.

c) Tăng cường vai trò tuyên truyền, phổ biến của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trong xây dựng và phát triển nông nghiệp, nông thôn phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn; hướng tới nhận thức, hành động đúng, đầy đủ, toàn diện đạt kết quả, hiệu quả thực chất trong thực hiện các nội dung của Nghị quyết 26 của Chính phủ, Chương trình hành động số 18 của Tỉnh ủy, Quyết định số 2167 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các chính sách có liên quan.

2. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn; nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống của nông dân và cư dân nông thôn

a) Đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông

thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; rút ngắn khoảng cách tỷ lệ lao động qua đào tạo giữa khu vực nông thôn và thành thị, trong đó tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả: Kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định 4480/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025. Tập trung đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng hiện đại, tập trung, quy mô lớn; đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để chuyển đổi một bộ phận lao động nông thôn sang làm công nghiệp, dịch vụ, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Mở rộng quy mô, ngành nghề đào tạo phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, khoa học - công nghệ, quản trị kinh doanh đáp ứng nhu cầu lao động ở nông thôn, chuyển đổi nghề nghiệp và xuất khẩu lao động.

b) Xây dựng và triển khai hiệu quả quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tập trung triển khai Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó triển khai phát triển nhanh giáo dục nghề nghiệp khu vực nông thôn nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động, của người dân và yêu cầu ngày càng cao về số lượng, cơ cấu, chất lượng nhân lực có kỹ năng nghề cho phát triển của tỉnh trong từng giai đoạn. Hỗ trợ để nông dân tại các vùng chuyên canh tham gia các chương trình đào tạo có chứng chỉ để sản xuất ra sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng và các yêu cầu mới của thị trường.

c) Xây dựng và tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình “Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh”; xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thu hút nguồn lực cho ngành nông nghiệp, nông thôn tập trung vào những nhiệm vụ trọng yếu trong quản lý, kiến tạo giá trị mới và theo hướng tăng cường phân cấp cho địa phương.

d) Phân cấp mạnh mẽ hoạt động khuyến nông cho các tổ chức nông dân, doanh nghiệp; phát triển mạnh mẽ hệ thống khuyến nông cộng đồng, trước mắt tập trung hình thành và phát triển các tổ chức khuyến nông cộng đồng tại các xã xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Khuyến khích doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp tham gia vào đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu thị trường lao động. Thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong đào tạo nghề và khuyến nông.

3. Thực hiện đột phá chiến lược trong phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại gắn với đô thị hoá; phát triển công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn

a) Tăng cường đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, huy động mọi nguồn lực xã hội cùng tham gia đầu tư, hỗ trợ xây dựng nông thôn mới phù hợp với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, quá trình đô thị hóa, nhất là ở các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, miền núi không để quá chênh lệch so với vùng nông thôn, ven đô thị. Sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư, tăng cường giám sát các chương trình đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn.

Ưu tiên dành nguồn lực đầu tư phát triển, hiện đại hóa kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn ngày càng hiện đại (giao thông, thủy lợi, cấp nước sạch, giáo dục, văn hóa, thể thao, thương mại, hạ tầng kinh tế số); hạ tầng thuộc các vùng khó khăn, chịu ảnh hưởng lớn bởi thiên tai. Đầu tư phát triển các khu, cụm công nghiệp, dịch vụ ở khu vực nông thôn; đầu tư phát triển các làng nghề đã được công nhận gắn với du lịch để làm đòn bẩy phát triển các làng nghề khác. Đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng, kỹ thuật làng nghề; hình thành các “cụm sản xuất nông - công nghiệp ở nông thôn” gắn với thực hiện hiệu quả chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

b) Thu hút đầu tư từ các thành phần kinh tế vào nông nghiệp, nông thôn, bao gồm cả đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) nhằm huy động mọi nguồn lực phát triển kết cấu hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng thời với nâng cao hiệu quả đầu tư từ ngân sách nhà nước.

c) Xây dựng các phương án hỗ trợ về cơ sở hạ tầng, tín dụng, kế hoạch đất đai và cải thiện môi trường đầu tư nhằm thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông thôn, ưu đãi tạo việc làm cho lao động nông thôn. Tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức tham gia khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo khu vực nông nghiệp, nông thôn.

d) Xây dựng và triển khai hiệu quả Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; trong đó tập trung nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách, triển khai các giải pháp thu hút đầu tư, hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch gắn với tích hợp đa giá trị trong sản phẩm nông nghiệp; tăng cường xúc tiến quảng bá, thu hút khách du lịch về khu vực nông thôn, tập trung phát triển du lịch làng nghề, du lịch cộng đồng, du lịch tâm linh- văn hóa.

4. Nâng cao trình độ khoa học - công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo để phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng

a) Nghiên cứu xây dựng các chương trình, kế hoạch, dự án, đề án mang tính đột phá về khoa học công nghệ, đặc biệt trong ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ chế biến phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trong bối cảnh hội nhập quốc tế và

thích ứng biến đổi khí hậu. Trong đó, giai đoạn 2021-2025, tập trung triển khai hiệu quả Chương trình hành động của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2020-2025; Chương trình nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh; Chương trình hành động của Tỉnh ủy về phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030; Chương trình ứng dụng khoa học công nghệ trong xây dựng nông thôn mới.

b) Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất giống theo hướng hiện đại; tăng cường công tác quản lý giống, đảm bảo tỷ lệ sử dụng giống đạt tiêu chuẩn kỹ thuật. Trong đó, lĩnh vực trồng trọt: Phát triển sản xuất giống lúa, giống lạc; lĩnh vực chăn nuôi: Phát triển các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất giống gia cầm, giống lợn; lĩnh vực thủy sản: Đảm bảo chủ động cung cấp nhu cầu giống chất lượng và sạch bệnh cho các đối tượng thủy sản nuôi chủ lực, giống tôm thẻ chân trắng, giống tôm sú; lĩnh vực lâm nghiệp: Phát triển sản xuất giống cây lâm nghiệp công nghệ cao.

c) Đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, nhất là ứng dụng khoa học công nghệ để giảm tổn thất sau thu hoạch, công nghệ bảo quản, chế biến sản phẩm; phát triển ngành công nghiệp phụ trợ, dịch vụ hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nâng cao năng suất lao động, nâng cao giá trị gia tăng, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp. Phát triển các hình thức tổ chức kinh doanh dịch vụ cơ giới nông nghiệp. Hỗ trợ nông dân đầu tư, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao để nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Khuyến khích phát triển các Doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao để tạo động lực phát triển nông nghiệp hiện đại.

d) Xây dựng các đề án, kế hoạch chuyển đổi số ngành nông nghiệp, phát triển các mô hình nông nghiệp thông minh ứng dụng công nghệ số trong nông nghiệp nông thôn, làng thông minh trong xây dựng nông thôn mới. Xây dựng chương trình, kế hoạch để hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp, thanh niên chuyển đổi số. Phát triển khuyến nông điện tử, thương mại điện tử.

đ) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số sản xuất, kinh doanh nông nghiệp (quản lý đất đai, số hóa vùng trồng, cây trồng, vật nuôi, rừng, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, thị trường,...). Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 25/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Tỉnh ủy (khóa XX); Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 23/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy kinh tế số nông nghiệp,

nông thôn trên địa bàn tỉnh.

e) Phát triển đồng bộ, hiệu quả hệ thống kỹ thuật chuyên ngành thú y, bảo vệ thực vật và kiểm dịch thực vật, động vật, quản lý an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản. Quản lý chặt chẽ chất lượng vật tư nông nghiệp, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh; xử lý nghiêm vi phạm trong sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản.

5. Hoàn thiện thể chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

a) Rà soát các cơ chế, chính sách hiện hành trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với các chủ trương, định hướng, nhiệm vụ của Nghị quyết 26 Chính phủ, Chương trình hành động số 18 Tỉnh ủy và Quyết định số 2167 của Ủy ban nhân dân tỉnh để đề xuất điều chỉnh và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả; đồng thời nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách mới để tạo động lực cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là các chính sách về đất đai, đầu tư, bảo hiểm, tín dụng, tổ chức sản xuất, mở rộng thương mại nông lâm thủy sản.

b) Xây dựng các chính sách phúc lợi xã hội ở nông thôn, đảm bảo nông dân và cư dân nông thôn được tiếp cận dịch vụ xã hội tương đương với người dân thành thị.

c) Định kỳ tổng kết tình hình triển khai các cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; từ đó rút ra bài học kinh nghiệm, khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn để nghiên cứu điều chỉnh chính sách phù hợp với thực tiễn.

6. Đổi mới tổ chức, hợp tác, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; phát triển thị trường trong nước và xuất khẩu, mở rộng thị trường tiêu thụ

a) Đẩy mạnh đổi mới và tổ chức lại sản xuất ngành nông nghiệp theo mô hình hợp tác xã liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị, tích hợp đa giá trị, liên vùng. Thí điểm, nhân rộng các mô hình đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất tiên tiến phù hợp, hiệu quả; mở rộng sản xuất hàng hóa gắn với xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung.

Phát triển hợp tác xã trở thành nhân tố kinh tế quan trọng trong sản xuất và tiêu thụ, kết nối các thành phần trong chuỗi giá trị, đặc biệt là doanh nghiệp; thực hiện các hoạt động hỗ trợ hợp tác xã từ khâu cung cấp vật tư đầu vào, liên kết với doanh nghiệp tiêu thụ nông sản đầu, trong đó tập trung triển khai hiệu quả Quyết định số 3204/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 22/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 52-KH/TU ngày 06/01/2023 của Tỉnh ủy Bình Định về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

b) Đổi mới hệ thống phân phối nông sản; kết nối hệ thống chế biến, phân phối và bán lẻ hiện đại, truyền thống với các chuỗi cung ứng nông sản và gắn với các vùng chuyên canh, liên kết để đưa nông sản của tỉnh vào các hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trong cả nước. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng 02 chợ nông sản khu vực phía Bắc (trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn) và phía Nam tỉnh (trên địa bàn thị xã An Nhơn). Đầu tư hiện đại hóa hệ thống chợ nông thôn của tỉnh phù hợp với tập quán và điều kiện cụ thể của từng địa phương, thực hiện tốt truy xuất nguồn gốc, chất lượng hàng hóa, bảo đảm an toàn thực phẩm.

c) Phát triển mạnh mẽ thương mại điện tử hàng nông sản; quản lý nông sản từ quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm tạo sự minh bạch thông tin, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Nâng cao năng lực dự báo, đánh giá, cảnh báo thông tin về thị trường các nông sản để doanh nghiệp, người dân chủ động điều chỉnh sản xuất phù hợp với yêu cầu thị trường, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng thừa cung nông sản. Hỗ trợ năng lực tiếp cận thị trường cho các doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã và hộ nông dân (thiết lập mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, bảo hộ sở hữu trí tuệ, bảo hộ bản quyền thương hiệu,...).

7. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 07/4/2017 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn; nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật và trách nhiệm xã hội của người dân, doanh nghiệp trong bảo vệ tài nguyên, môi trường. Tăng cường công tác xã hội hóa cho hoạt động bảo vệ môi trường. Thu hút doanh nghiệp đầu tư xử lý nước thải, chất thải rắn, trước hết là tại các làng nghề, cụm công nghiệp, dịch vụ, khu xử lý rác tập trung. Ngăn chặn, xử lý nghiêm tình trạng khai thác và sử dụng tài nguyên trái phép, tình trạng gây ô nhiễm môi trường.

b) Xây dựng các kế hoạch triển khai thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng gắn với các mục tiêu tăng trưởng xanh, phát triển bền vững; phát triển nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn, bảo vệ môi trường và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Áp dụng các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính thông qua quản lý và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên đầu vào; quản lý và sử dụng bền vững diện tích rừng hiện có, đẩy mạnh trồng rừng mới (nhất là rừng gỗ lớn); phát triển nông nghiệp sinh thái, đa dạng thích ứng với biến đổi khí hậu; khuyến khích, tăng cường áp dụng các công nghệ hiện đại, các giống cây trồng, vật nuôi có tính chống chịu cao. Tăng cường nghiên cứu và chuyển giao các giống vật nuôi, cây trồng thích ứng

được với điều kiện biến đổi khí hậu. Triển khai hiệu quả Đề án tưới tiên tiến, tiết kiệm nước theo hướng tự động hóa cho cây trồng cạn. Bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn, hệ sinh thái đầm Thị Nại, đầm Trà Ổ, đầm Đề Gi; bảo vệ hệ sinh thái các rạn san hô ở vùng biển thành phố Quy Nhơn và một số khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản ven biển của tỉnh Bình Định.

c) Xây dựng, nhân rộng và phát triển các mô hình sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, tái chế chất thải, tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh tế xanh. Xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường; có giải pháp thu hút mạnh mẽ đầu tư xử lý nước thải, chất thải rắn, trước hết ở các làng nghề, cụm công nghiệp, dịch vụ, khu xử lý rác tập trung.

d) Tập trung nâng cấp cơ sở hạ tầng, nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai. Xây dựng hệ thống cảnh báo, dự báo, xác định rủi ro để đề ra các giải pháp phù hợp bảo vệ sản xuất trước các nguy cơ về dịch bệnh, thiên tai, ô nhiễm môi trường... Có kế hoạch, giải pháp chủ động đối phó, khắc phục các rủi ro, nguy cơ trong sản xuất và phát triển nông thôn, như: các đối tượng dịch bệnh chính gây thiệt hại quy mô rộng (cúm gia cầm, tả lợn châu Phi, ...), các hiện tượng nguy hại (sụt lở sông, sụt lún nền đất, xâm nhập mặn, ...) tại các địa phương, đảm bảo phát triển bền vững.

8. Tăng cường hội nhập và hợp tác quốc tế

a) Nâng cao năng lực, hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế về nông nghiệp và nông thôn, mở rộng hợp tác với các quốc gia, các tổ chức quốc tế để tranh thủ, thu hút nguồn vốn, phát triển thị trường, tiếp cận khoa học công nghệ phục vụ cho các mục tiêu phát triển của ngành. Xây dựng cơ chế quản lý, hướng dẫn và giám sát thực hiện nhằm đổi mới và nâng cao hiệu quả huy động, sử dụng các nguồn vốn phát triển chính thức (ODA), tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho thực hiện phát triển bền vững; thu hút có lựa chọn đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Xây dựng kế hoạch mở rộng hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến của tỉnh cho từng giai đoạn, từng năm, nhất là công nghệ về chế biến, bảo quản, công nghệ giống, công nghệ môi trường, tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp.

b) Xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế về nông nghiệp và nông thôn của tỉnh. Chủ động tham gia trực tiếp các mạng phân phối nước ngoài, tham gia chuỗi cung ứng nông sản toàn cầu và đóng góp trong khả năng cho phép cho các nỗ lực bảo đảm an ninh lương thực thế giới, hài hòa quy định, quy chuẩn trong nước với quốc tế. Thường xuyên cập nhật thông tin về nhu cầu, xu hướng phát triển của thị trường thế giới và các chuỗi cung ứng quốc tế cho doanh nghiệp. Cung cấp thông tin, phổ biến chính sách của các nhà phân phối nông sản đến doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để kịp thời nắm bắt, có những điều chỉnh cần thiết, nhằm đáp ứng tiêu chí, yêu cầu để trở thành nhà cung ứng nông sản cho các mạng phân phối nước ngoài.

9. Giám sát đánh giá

Bám sát các mục tiêu của Nghị quyết 26 của Chính phủ và Chương trình hành động số 18 của Tỉnh ủy để làm cơ sở cho giám sát và đánh giá việc thực hiện (*Phụ lục I kèm theo*). Giám sát, đánh giá các chương trình, đề án, dự án tiến hành định kỳ 5 năm, hàng năm hoặc đột xuất.

(Nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị theo Phụ lục 2 đính kèm)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, hội, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Nghị quyết 26 của Chính phủ, Chương trình hành động số 18 của Tỉnh ủy và nhiệm vụ được giao theo Phụ lục đính kèm tại Kế hoạch này để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, ban hành cơ chế chính sách, chương trình, đề án, dự án, kế hoạch... và triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả; Chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch. Định kỳ 06 tháng (trước 15/6), cuối năm (trước 15/12) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả triển khai, thực hiện thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc, giám sát việc thực hiện Kế hoạch này; định kỳ 06 tháng (trước 20/6), cuối năm (trước 20/12) hoặc đột xuất tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết 26 của Chính phủ, Chương trình hành động số 18 của Tỉnh ủy và Kế hoạch này theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền./.

Phụ lục 1
CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 26/NQ-CP
NGÀY 27/02/2023 CỦA CHÍNH PHỦ VÀ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
SỐ 18-CTr/TU NGÀY 21/02/2023 CỦA TỈNH ỦY

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu	
			Đến năm 2025	Đến năm 2030
1	Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm địa phương của ngành nông nghiệp bình quân hàng năm	%	3,2 -3,6	3,2 -3,6
2	Tốc độ tăng giá trị xuất khẩu NLTS	%/năm	4,5-5	5-6
3	Diện tích rừng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững	ha	>10.000	> 20.000
4	Tỷ lệ che phủ rừng	%	58	Duy trì ổn định 58
5	Tỷ lệ giá trị sản phẩm NLTS được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết	%	> 30	>30
6	Tốc độ tăng năng suất lao động nông, lâm, thủy sản bình quân	%/năm	4-5	4-5
7	Tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	< 30	< 20
8	Tỷ lệ lao động nông nghiệp được đào tạo	%	>45	>70
9	Thu nhập của cư dân nông thôn so với năm 2020	Lần	≥1,5	2,5 - 3
10	Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	%	40	80
12	Tốc độ tăng trưởng công nghiệp, dịch vụ nông thôn	%/năm	10	10
	Số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới; trong đó:	%	>85	≥ 90
	- Số xã đạt chuẩn nâng cao	%	40	45
13	Số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới; trong đó:	%	64	> 65
	- Số huyện đạt chuẩn nâng cao	%	25	25
14	Tỷ lệ nghèo đa chiều ở nông thôn	% giảm/năm	1,5-2	1-1,5
15	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định	%	-	80

Phụ lục 2

**NIỆM VỤ, CHÍNH SÁCH, ĐỀ ÁN, KẾ HOẠCH, NGHỊ QUYẾT THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 26/NQ-CP
NGÀY 27/02/2023 CỦA CHÍNH PHỦ VÀ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 18-CTr/TU NGÀY 21/02/2023
CỦA TỈNH ỦY THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM BCH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA XIII
VỀ NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045,
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

TT	Nhiệm vụ, chương trình, đề án, văn bản	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
I	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT			
1	Đề án Giải pháp về nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp vùng phía Bắc huyện Phù Mỹ	Các sở, ngành có liên quan và UBND huyện Phù Mỹ, thị xã Hoài Nhơn	Quyết định UBND tỉnh	Năm 2023
2	Đề án tưới tiên tiến, tiết kiệm nước theo hướng tự động hóa cho cây trồng cạn.	Các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định UBND tỉnh	Năm 2023
3	Đề án kiện toàn hệ thống thú y cấp huyện trên địa bàn tỉnh	Các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định UBND tỉnh	Năm 2023
4	Đề án phát triển cây trồng chủ lực và cây ăn quả tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định UBND tỉnh	Năm 2023

5	Chính sách hỗ trợ để thực hiện Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Bình Định	Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định UBND tỉnh	Năm 2023
6	Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định UBND tỉnh	Năm 2024
7	Dự án/Kế hoạch quản lý lũ tổng hợp lưu vực sông La Tinh, sông Lại Giang.	Các sở, ngành có liên quan; UBND huyện Phù Cát, Phù Mỹ và UBND thị xã Hoài Nhơn	Quyết định UBND tỉnh	Năm 2024-2025
8	Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Khuyến nông đến năm 2030, định hướng đến năm 2050	Các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định UBND tỉnh	Năm 2024-2025
9	Kế hoạch về phòng, chống các dịch bệnh động vật; cơ chế, chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh động vật giai đoạn 2026 - 2030	Các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định UBND tỉnh	Năm 2025-2026
10	Kế hoạch phát triển chăn nuôi đến năm 2030, tầm nhìn 2045	Các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định UBND tỉnh	Năm 2024
11	Dự án thành lập Khu bảo tồn biển Vịnh Quy Nhơn và một số khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản ven biển tỉnh Bình Định	Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định UBND tỉnh	Năm 2024-2025

12	Xây dựng: (i) Quy định Chính sách hỗ trợ giá nước sinh hoạt các công trình cấp nước tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định; (ii) Đề án kiện toàn công tác quản lý vận hành công trình cấp nước tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2023-2025 và sau năm 2025 để triển khai thực hiện Nghị định của Chính phủ về quy định cấp nước sinh hoạt nông thôn	Các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định UBND tỉnh	Năm 2024-2025
13	Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định UBND tỉnh	Năm 2024-2025
II	SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI			
1	Kế hoạch thực hiện Chương trình Chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định UBND tỉnh	Năm 2023
2	Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trên địa bàn tỉnh Bình Định	Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định UBND tỉnh	Năm 2026
3	Đề án đổi mới nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định.	Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định UBND tỉnh	Năm 2024-2025
III	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ			

1	Thực hiện công tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến và ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp, đặc biệt là công nghệ cao, công nghệ số; công nghệ chế biến, bảo quản, công nghệ nhân giống, công nghệ môi trường, tái sử dụng phụ phẩm	Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định UBND tỉnh	Năm 2023-2025
2	Triển khai thực hiện “Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định/Kế hoạch UBND tỉnh	Năm 2024-2025
IV	SỞ CÔNG THƯƠNG			
1	Rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến nông sản, công nghệ bảo quản, đóng gói, bao bì, nhãn mác theo quy định	Các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định UBND tỉnh	Năm 2024-2025
2	Chương trình khuyến công của tỉnh Bình Định giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045	Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định UBND tỉnh	Năm 2025-2026
V	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG			
1	Kế hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.	Các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định UBND tỉnh	Năm 2023
VI	SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG			
1	Chương trình/kế hoạch hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp, thanh niên thực hiện chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định/Kế hoạch UBND tỉnh	Năm 2024 -2025

VII	SỞ DU LỊCH			
1	Triển khai các Kế hoạch/Đề án về phát triển du lịch làng nghề, du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh phê duyệt; Phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan trong phát triển du lịch văn hóa, du lịch nông nghiệp.	Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định UBND tỉnh	Năm 2023-2024
VIII	HỘI NÔNG DÂN TỈNH			
1	Đề án Hội Nông dân tham gia xây dựng và triển khai mô hình sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGap gắn xây dựng sản phẩm OCOP và nông nghiệp tuần hoàn trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định UBND tỉnh	Năm 2024-2025
IX	HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ TỈNH			
1	Kế hoạch thực hiện Đề án hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2026 – 2035 trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể, tổ chức có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định UBND tỉnh	Năm 2025-2026
X	ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH TỈNH			
1	Đề án xây dựng và phát triển mô hình đào tạo, bồi dưỡng nghề gắn với thực hành sản xuất nông nghiệp và giải quyết việc làm tại chỗ cho thanh niên nông thôn	Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định UBND tỉnh	Năm 2024